HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /NQ-HĐND	*Tân Yên, ngày 26 tháng 12 năm 2012*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2011 - 2015 huyện Tân Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
KHÓA XVIII- KỲ HỌP THỨ 5

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Thông tư số 19/2009/TT-BTNMT ngày 02/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn lập, điều chỉnh và thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Sau khi xem xét Tờ trình số 138/TTr-UBND ngày 18/12/2012 của UBND huyện Tân Yên về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 2011-2015 của huyện Tân Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2011 - 2015 của huyện Tân Yên với các nội dung như sau:

Tổng diện tích đất tự nhiên: Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 20.660,86 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 20.660,86 ha, trong đó:

1. Đất nông nghiệp (NNP): Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 12.408,32 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 11.920,08 ha.

2. Đất phi nông nghiệp (PNN): Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 7.819,81 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 8.308,55 ha.

3. Đất chưa sử dụng (CSD): Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 432,73 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 432,23 ha.

4. Đất đô thị: Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 1.101,16 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 1.251, 16 ha.

5. Đất khu dân cư nông thôn: Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 9.115,78 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 9.146,19 ha.

(Có biểu Quy hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 của huyện Tân Yên theo quy định; Chỉ đạo hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã, thị trấn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Tân Yên khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

Nơi nhận:
-Thường trực HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UB MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Tiến

BIỂU QUY HOẠCH SỬ DỤNG DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2020, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ ĐẦU 2011-2015 HUYỆN TÂN YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10...../NQ-HĐND ngày 26/12/2012 của HĐND huyện)

Thứ tự		Mã	Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015	Quy hoạch đến năm 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		**20.660,86**	**20.660,86**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**12.408,32**	**11.920,08**
	Trong đó:			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8.034,76	7.754,47
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước (2 vụ lúa trở lên)	*LUC*	*5.898,74*	*5.724,97*
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.201,72	2.057,37
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH		
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD		
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	575,54	551,73
1.6	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	952,48	997,10
1.7	Đất làm muối	LMU		
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7.819,81**	**8.308,55**
	Trong đó:			
2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	CTS	45,82	45,72
2.2	Đất quốc phòng	CQP	80,46	80,46
2.3	Đất an ninh	CAN	84,35	84,35
2.4	Đất công nghiệp	SKK	29,33	46,33
2.5	Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh	SKC	104,43	198,54
2.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gốm sứ	SKX	221,36	251,91
2.7	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	43,42	43,42
2.8	Đất di tích, danh thắng	DDT	50,29	50,29
2.9	Đất xử lý, chôn lấp chất thải (trong đó có đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại)	DRA	9,93	54,79
2.10	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	TTN	60,13	60,13
2.11	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	271,02	271,02
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	SMN	298,89	280,50
2.13	Đất phát triển hạ tầng	DHT	3.126,69	3.272,21
	Trong đó:			
	Đất cơ sở văn hóa	*DVH*	*53,10*	*55,60*
	Đất cơ sở y tế	*DYT*	*15,07*	*17,47*
	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	*DGD*	*108,11*	*108,11*
	Đất cơ sở thể dục - thể thao	*DTT*	*120,15*	*162,72*

4. Đất đô thị: Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 1.101,16 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 1.251, 16 ha.

5. Đất khu dân cư nông thôn: Kế hoạch kỳ đầu đến năm 2015 là 9.115,78 ha; Quy hoạch đến năm 2020 là 9.146,19 ha.

(Có biểu Quy hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu 2011-2015 của huyện Tân Yên theo quy định; Chỉ đạo hoàn thiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất các xã, thị trấn và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo nhiệm vụ, quyền hạn đã được pháp luật quy định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Tân Yên khóa XVIII, kỳ họp thứ 5 thông qua./.

Nơi nhận:
-Thường trực HU, HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- UB MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; CV;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đỗ Mạnh Tiến